HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2017/NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày 14 tháng 7 năm 2017*

Ký bởi: SỞ TƯ PHÁP
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
Thời gian ký: 06/08/2025 15:48:15

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính, quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 123/TTr-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 132/BC-HĐND ngày

03 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

(*Có quy định chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XV, nhiệm kỳ 2011 - 2016 về việc quy định một số định mức chi hỗ trợ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVI Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC của HĐND tỉnh. ĐH (b).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng, nhiệm kỳ 2016 - 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ, định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp tỉnh Cao Bằng, bao gồm:

1. Chi hoạt động phục vụ kỳ họp HĐND các cấp;
2. Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát;
3. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri;
4. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo;
5. Chi hội nghị, các phiên họp, cuộc họp của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND các cấp;
6. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật; tham vấn ý kiến nhân dân; tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và văn bản do HĐND tỉnh ban hành;
7. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho đại biểu HĐND các cấp;
8. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND các cấp; cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện, Văn phòng - Thống kê UBND cấp xã và cán bộ, công chức các cơ quan, ban, ngành, chuyên gia được thuê phục vụ hoạt động của HĐND các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND, thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp được thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Các chế độ, định mức chi khác bảo đảm cho hoạt động của HĐND các cấp không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Cao Bằng.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC CHI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 4. Chi hoạt động phục vụ kỳ họp HĐND

1. Chủ tọa điều hành kỳ họp: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Thư ký kỳ họp: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Hỗ trợ tiền ăn đại biểu HĐND tỉnh và thành phần tham dự kỳ họp: 200.000 đồng/người/ngày.

4. Đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu mời ở xa về dự kỳ họp: Được thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ theo quy định hiện hành. Tiền xăng xe, tiền lưu trú thanh toán tại đơn vị đang công tác.

5. Chi tiền nước uống, giữa ca cho đại biểu, khách mời họp: 20.000 đồng/người/buổi.

6. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu nghị quyết, đề án, báo cáo trình kỳ họp HĐND tỉnh: 300.000 đồng/đại biểu/kỳ họp.

7. Chi hỗ trợ cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ tại kỳ họp: 80.000đ/người/ngày.

8. Chi hỗ trợ Báo Cao Bằng đưa tin: 3.000.000 đồng/kỳ họp.

9. Chi hỗ trợ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: 15.000.000 đồng/kỳ họp.

10. In tài liệu, thuốc chữa bệnh thông thường cho đại biểu dự kỳ họp, trang trí khánh tiết…theo thực tế phát sinh.

11. Chi xây dựng, hoàn chỉnh các văn bản phục vụ kỳ họp:

a) Xây dựng, soạn thảo Chương trình điều hành kỳ họp HĐND, báo cáo tóm tắt kỳ họp, biên bản kỳ họp: 300.000 đồng/văn bản;

b) Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trình kỳ họp: 500.000 đồng/báo cáo;

c) Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp: 200.000 đồng/nghị quyết;

d) Tổng hợp câu hỏi chất vấn của đại biểu tại kỳ họp: 200.000 đồng/kỳ họp;

đ) Chi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp: 300.000 đồng/kỳ họp;

e) Tổng hợp thảo luận tại kỳ họp: 100.000 đồng/người/kỳ họp;

f) Chi rà soát kỹ thuật nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua trước khi ký chứng thực: 200.000 đồng/nghị quyết;

g) Xây dựng chương trình hoạt động toàn khóa; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi các cuộc họp, hội nghị của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các phiên họp Thường trực HĐND tỉnh; họp thẩm tra, họp thông qua các báo cáo giám sát, khảo sát của các Ban HĐND tỉnh; hội thảo lấy ý kiến góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết HĐND tỉnh; tham vấn kiến ý kiến nhân dân… như sau:

1. Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi;

2. Thư ký, đại biểu mời dự họp: 100.000 đồng/người/buổi;

3. Công chức, nhân viên phục vụ cuộc họp: 80.000 đồng/người/buổi;

4. Chi tiền nước uống, giữa ca cho đại biểu, khách mời họp: 20.000 đồng/người/ buổi;

5. Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án Luật, Pháp lệnh: 500.000 đồng/báo cáo;

6. Chi hỗ trợ thành viên các Ban của HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu thẩm tra: 300.000 đồng/người/kỳ họp;

7. Chi cho cơ quan hoặc chuyên gia tham gia ý kiến bằng văn bản: 500.000 đồng/dự án Luật, dự án Pháp lệnh (nếu có);

8. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra, tham mưu, đề xuất giải quyết nội dung UBND tỉnh trình phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh: 200.000đ/văn bản.

Điều 6. Chi hoạt động giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND, Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Chi hoạt động giám sát:

a) Trưởng đoàn giám sát: 150.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên đoàn giám sát, đại biểu mời: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Nhân viên phục vụ đoàn giám sát; phóng viên báo, đài truyền hình đưa tin: 80.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát:

a) Chi soạn thảo (quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát) và tài liệu phục vụ đoàn giám sát: 500.000 đồng/bộ;

b) Báo cáo hoặc thông báo kết quả giám sát: 500.000 đồng/văn bản.

4. Chi hoạt động khảo sát: Tính bằng 50% mức chi cho hoạt động giám sát.

Điều 7. Chi tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh

1. Hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch (bao gồm: Trang trí, khánh tiết, thuê hội trường, điện nước, âm thanh, nước uống, bảo vệ và một số khoản chi khác): Mức tối đa 3.000.000 đồng/điểm tiếp xúc.

2. Hỗ trợ nhân viên, phóng viên Báo, Đài truyền hình phục vụ tiếp xúc cử tri: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi soạn thảo kế hoạch, đề cương; báo cáo tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp: 300.000 đồng/bộ.

4. Chi báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri của Tổ đại biểu HĐND tỉnh: 100.000 đồng /báo cáo.

(Khoản 1,2,4 điều này chi từ kinh phí hoạt động đại biểu HĐND tỉnh tại huyện, thành phố được giao tại Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Cao Bằng).

5. Đại biểu HĐND tỉnh, các thành phần tham gia tiếp xúc cử tri thanh toán tiền xăng xe, công tác phí theo quy định hiện hành tại đơn vị mình đang công tác.

Điều 8. Chi hoạt động tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân

1. Đại biểu HĐND tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân theo kế hoạch: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Cán bộ, công chức được phân công tiếp công dân và trực tiếp xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: 100.000 đồng/người/buổi.

3. Nhân viên phục vụ tiếp công dân: 50.000đ/người/buổi.

Điều 9. Chi phụ cấp kiêm nhiệm

1. Chủ tịch HĐND tỉnh kiêm nhiệm: Thực hiện theo Thông tư 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

(*Phụ cấp kiêm nhiệm =10% x (hệ số lương + phụ cấp chức vụ + phụ cấp thâm niên vượt khung của người giữ chức vụ lãnh đạo kiêm nhiệm)*.

2. Trưởng ban HĐND tỉnh kiêm nhiệm: (0,5) x (mức lương cơ sở)/tháng.

3. Thành viên các Ban của HĐND tỉnh và Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh: (0,2) x (mức lương cơ sở)/tháng.

4. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh: (0,15) x (mức lương cơ sở)/tháng.

5. Người nào kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 10. Một số chế độ chi bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

1. Hỗ trợ may trang phục (lễ phục) cho cả nhiệm kỳ: 5.000.000 đồng/đại biểu.

2. Hỗ trợ đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.

3. Hỗ trợ đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách: (0,5) x (mức lương cơ sở)/tháng.

4. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.

5. Hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND tỉnh may trang phục: 2.500.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

6. Chi tổ chức các đoàn đi học tập trao đổi kinh nghiệm; chi mời chuyên gia trao đổi đối với một số lĩnh vực đặc thù cần thiết; hoạt động đặc thù khác của HĐND tỉnh do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Điều 11. Chế độ thăm hỏi, trợ cấp

1. Chi hỗ trợ Thường trực HĐND tỉnh tặng quà đối với tập thể, cá nhân và gia đình chính sách gặp khó khăn: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

2. Đại biểu HĐND tỉnh khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi trợ cấp không vượt quá 3.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.

3. Chi thăm hỏi ốm đau, các vị nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo Ban và Văn phòng của HĐND tỉnh đã nghỉ hưu: 1.000.000 đồng/người/lần.

4. Các đối tượng sau nếu từ trần thì gia đình được trợ cấp 2.000.000 đồng:

a) Đại biểu HĐND tỉnh, nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo Ban và Văn phòng của HĐND tỉnh;

b) Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của đại biểu HĐND tỉnh.

5. Trường hợp gia đình đại biểu HĐND tỉnh gặp khó khăn đột xuất như thiên tai, tai nạn, hoả hoạn… Tuỳ theo hoàn cảnh và mức độ khó khăn, Thường trực HĐND tỉnh quyết định hỗ trợ tối đa không quá 2.000.000 đồng/trường hợp.

6. Các mức chi thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như đại biểu HĐND tỉnh.

Mục 2
NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC CHI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 12. Nội dung chi đối với HĐND huyện, thành phố; HĐND xã, phường, thị trấn

Căn cứ vào kinh phí được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã xác định các nội dung chi, định mức chi phù hợp với thực tế hoạt động của HĐND cấp mình xây dựng dự toán chi hàng năm bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 13. Định mức chi đối với HĐND huyện, thành phố; HĐND xã, phường, thị trấn

1. Hội đồng nhân dân huyện, thành phố: Xác định các nội dung chi với mức tối đa không quá 70% mức chi của HĐND cấp tỉnh từ Điều 4 đến Điều 11 của Quy định này.

Chức danh Chủ tịch HĐND huyện, thành phố kiêm nhiệm: Thực hiện theo Thông tư 78/2005/BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

(*Phụ cấp kiêm nhiệm =10% x (hệ số lương + phụ cấp chức vụ + phụ cấp thâm niên vượt khung) của người giữ chức vụ lãnh đạo kiêm nhiệm).*

2. Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn: Xác định các nội dung chi với mức tối đa không quá 50% mức chi của HĐND cấp tỉnh từ Điều 4 đến Điều 11 của Quy định này.

Chức danh Chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm: Thực hiện theo Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước và các chế độ, định mức chi tại Quy định này, Thường trực HĐND các cấp tổ chức thực hiện để bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp đạt hiệu quả, thiết thực.

Điều 15. Khi có quy định mới của Trung ương, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm rà soát các nội dung chi, định mức chi tại Quy định này để xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng